

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 21 - 12 - 2022
V/v: tranh chấp Hôn nhân và gia
đình (Sinh - Đăng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Quảng
2. Ông Trần Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký TAND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXX-ST ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị S- sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn N.L.N, xã N.H, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Trần Minh Đ- sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn N.L.N, xã N.H, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

(Chị S, anh Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.H, huyện Tiền Hải , tỉnh Thái Bình ngày 05/6/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống nhưng không có hạnh phúc , nguyên nhân do tính tình không hợp , bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế, nuôi dạy các con . Anh Đ có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và thường xuyên về nhà đánh đuổi chị và các con cũng như đe dọa gia đình chị . Khiến cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng căng thẳng ng trầm trọng, nhiều lúc chị bị trầm cảm . Từ tháng 9/2020 cho đến nay chị và anh Đ sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn , hôn nhân không thể hàn gắn , cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Minh Đ.

Về con chung: Chị và anh Trần Minh Đ có 03 con chung là Trần Huyền D- sinh ngày 18/3/2001; Trần Đức M- sinh ngày 09/9/2005 và Trần Thị Khánh L- sinh ngày 19/12/2012. Do trước khi kết hôn anh chị có tổ chức lễ cưới và có với nhau 02 con là cháu D, cháu M. Ly hôn, đối với con Trần Huyền D đã trên 18 tuổi, có khả năng tự chăm sóc, nuôi dưỡng bản thân nên không đặt ra vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với các con Trần Đức M, Trần Thị Khánh L hiện các con đang ở cùng với anh Đ và mẹ anh. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu: Trần Đức M, Trần Thị Khánh L cho anh Trần Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị sẽ có trách nhiệm đóng học phí, mua sách vở, bút mực cho các cháu học hành.

Về tài sản: Chị và anh Trần Minh Đ tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Minh Đ đã trình bày:**

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như chị S trình bày. Quá trình sinh sống sau khi kết hôn, anh chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng không có mâu thuẫn lớn mà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất. Năm 2020 khi anh đi mổ thoát vị đĩa đệm trên Hà Nội thì ở nhà mẹ đẻ anh và chị S phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị S bỏ nhà đi từ tháng 9/2020 cho đến nay. Trong thời gian này, anh đã nhiều lần đi tìm chị S về nhưng chị không về . Quan điểm của anh không muốn ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con, tuy nhiên anh không đưa ra được phương án , giải pháp đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh và chị S có 03 con chung như chị trình bày ở trên. Hiện cháu D đang học đại học tại Hà Nội, cháu M, cháu L đang sinh sống cùng anh tại xã N.H, huyện Tiền Hải từ khi chị S bỏ nhà đi. Anh không ly hôn, do đó anh cũng không chia tách các cháu để các cháu sống cạnh nhau cho có tình cảm. Nếu anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu anh cũng không buộc chị S phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản: Anh và chị Trần Thị S tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho người bị kiện. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản chấp hành pháp luật tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị S và anh Trần Minh Đ là hợp pháp. Do hôn nhân giữa chị S, anh Đ không thể hàn gắn, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S, xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Trần Minh Đ.

+ Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị S và anh Trần Minh Đ có 03 con chung là Trần Huyền D- sinh ngày 18/3/2001; Trần Đức M- sinh ngày 09/9/2005 và Trần Thị Khánh L- sinh ngày 19/12/2012. Ly hôn: cháu D đã trưởng thành, tự chăm sóc được bản thân nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Chị S đề nghị Tòa án giao cả hai cháu M, cháu L cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con khi ly hôn. Nguyện vọng của cháu M, cháu L là được ở cùng với anh Đ. Do đó, ly hôn đề nghị HĐXX giao cháu Trần Đức M, cháu Trần Khánh L cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện của anh, không buộc chị S phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, việc cấp dưỡng nuôi con đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

+ Về quan hệ tài sản: Chị S, anh Đ tự thỏa thuận giải quyết nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị S, anh Đ là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ đang sinh sống, làm việc và có hộ khẩu thường trú tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình do đó chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng với quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị S và anh Trần Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N.H, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 05/6/2007 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn theo chị S trình bày vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do không đồng quan điểm sống , không có tiếng nói chung trong các vấn đề trong cuộc sống . Anh Đ có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và thường xuyên về nhà đánh đuổi chị và các con cũng như đe dọa gia đình chị . Khiến cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng căng thẳng trầm trọng , nhiều lúc chị bị trầm cảm. Từ tháng 9/2020 cho đến nay chị và anh Đ sống ly thân. Anh Đ cho rằng quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng không có mâu thuẫn lớn mà chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt . Chỉ có mâu thuẫn giữa mẹ anh và chị S khi anh đi mỗ dĩ a đệm tại Hà Nội dẫn đến chị S bỏ đi từ tháng 9/2020, anh đã nhiều lần đi tìm chị S về nhưng chị không về. Anh mong muốn đoàn tụ gia đình vì anh chị đã có 03 mặt con với nhau, các cháu đã lớn. Như vậy có đủ cơ sở xác định giữa chị S, anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến chị S phải bỏ nhà đi và anh chị sống ly thân với nhau từ tháng 9/2020 cho đến nay. Tuy anh Đ mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng anh không đưa ra được phương án, giải pháp đoàn tụ cùng chị S. Mặt khác chị S kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Điều này khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh Đ không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, trên thực tế hôn nhân không còn tồn tại , mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S, xử cho chị

Trần Thị S được ly hôn anh Trần Minh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị S và anh Trần Minh Đ có 03 con chung là Trần Huyền D- sinh ngày 18/3/2001; Trần Đức M- sinh ngày 09/9/2005 và Trần Thị Khánh L- sinh ngày 19/12/2012. Ly hôn: cháu Trần Huyền D đã trên 18 tuổi, có khả năng tự chăm sóc, nuôi dưỡng bản thân và không mắc các bệnh hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi vì vậy không đặt ra vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với các cháu Trần Đức M, Trần Thị Khánh L hiện các cháu đang ở cùng với anh Đ và mẹ anh tại xã N.H, huyện Tiền Hải. Anh Đ không muốn chia rẽ các cháu và mong muốn các cháu ở cạnh nhau cho tình cảm. Chị S đề nghị HĐXX giao cháu M, cháu L cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu M, cháu L có nguyện vọng ở cùng anh Đ. Do đó, ly hôn HĐXX giao cháu Trần Đức M, cháu Trần Thị Khánh L cho anh Trần Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không buộc chị S cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Chị S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản: Chị S, anh Đ tự thỏa thuận giải quyết nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Trần Minh Đ.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị S và anh Trần Minh Đ có 03 con chung là Trần Huyền D- sinh ngày 18/3/2001; Trần Đức M- sinh ngày 09/9/2005 và Trần Thị Khánh L- sinh ngày 19/12/2012. Ly hôn: cháu Trần Huyền D đã trưởng thành không đặt ra vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Đức M, cháu Trần Thị Khánh L cho anh Trần Minh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ.

Chị S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Chị S, anh Đ tự thỏa thuận giải quyết nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000đ chị Trần Thị S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002503 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 14/10/2022 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị S, anh Trần Minh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhân:**

- Đương sự;
- VKS huyện Tiền Hải;
- THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã Nam Hải, h. Tiền Hải;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Lợi

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Quảng

Trần Văn Hiếu

Vũ Văn Lợi